

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/DS-ST.

Ngày 23/8/2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản
và mượn tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thành Thái.

2/ Bà Lê Thị Vân Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST - DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công Ty TNHH S (nay là Công ty Cổ Phần S1 Có Ngay); Địa chỉ trụ sở chính: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám đốc Công Ty Cổ Phần S1 Có Ngay.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: nhân viên Công Ty Cổ Phần S1 Có Ngay - theo giấy ủy quyền số 232/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023 (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Phạm Ngọc C, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tô F, khu phố S, thị

trần S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Ngày 03 tháng 12 năm 2022 ông Phạm Ngọc C có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số KGM221201003NA16X với Công Ty Cổ Phần S1 Có Ngay (gọi tắt là Công ty)/Chi nhánh Kiên Giang để lấy số tiền 15.400.000đồng, thời hạn cầm cố là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ theo tháng, ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên là ngày 03/01/2023.

Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh BKS: 68D1-531.71; Loại xe: HONDA Winner 150cc; Màu: Đen; Số khung: RLHKC2609GY381555; Số máy: KC26E1228440 và số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 010659 do Công an tỉnh K cấp ngày 18/4/2022 đứng tên Phạm Ngọc C.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký kết với ông Phạm Ngọc C giấy cho mượn lại xe đề ngày 03/12/2022, trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 03/12/2022 đến ngày 31/01/2023; Địa điểm trả xe là tại Chi nhánh K 01 - Công ty TNHH S. Ông Phạm Ngọc C có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Ngọc C có thanh toán cho Công ty được tháng đầu tiên với số tiền 1.239.000đồng, rồi từ tháng thứ 2 trở đi ông C không thanh toán nợ đúng nghĩa vụ theo hợp đồng với Công ty nữa, đến nay đã quá hạn hợp đồng, ông Phạm Ngọc C không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Vì vậy, Công ty đã khởi kiện ông Phạm Ngọc C đến Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất để yêu cầu giải quyết; buộc ông Phạm Ngọc C phải trả cho Công ty số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/3/2024 là 27.453.000 đồng (trong đó gốc 14.898.610đồng, lãi trong hạn 2.076.634đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe 6.468.000đồng, phí theo dõi 778.5716đồng và phí phạt vi phạm nợ quá hạn 3.260.378đồng).

Trường hợp ông Phạm Ngọc C không thanh toán được số tiền trên, buộc ông C phải thực hiện nghĩa vụ giao trả lại chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát số 68D1-531.71, Loại xe: HONDA Winner 150cc; Màu: Đen; Số khung: RLHKC2609GY381555; Số máy: KC26E1228440 và số giấy chứng nhận đăng ký

xe mô tô số: 010659 do Công an tỉnh K cấp ngày 18/4/2022 đứng tên Phạm Ngọc C.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty ông Nguyễn Văn T rút yêu cầu tính phí theo dõi và buộc bị đơn giao trả lại xe đã mượn; yêu cầu ông Phạm Ngọc C phải trả cho Công ty tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/8/2024 là 28.307.919đồng (trong đó gốc 14.898.610đồng, lãi trong hạn 3.107.540đồng, lãi quá hạn 1.553.770 đồng, phí hao mòn và mượn xe 8.778.000đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố số KGM 221201007NA22X ngày 03/12/2022 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 24/8/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Công ty.

*** Bị đơn ông Phạm Ngọc C:**

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phạm Ngọc C đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Phạm Ngọc C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 116, 309, 310 và 313 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công Ty Cổ Phần S1 Có Ngay; Buộc ông Phạm Ngọc C phải có trách nhiệm trả cho Công Ty Cổ Phần S1 Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2024 là 28.307.919đồng (trong đó gốc 14.898.610đồng, lãi trong hạn 3.107.540đồng, lãi quá hạn 1.553.770 đồng và phí hao mòn và mượn xe 8.778.000đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố số KGM

221201007NA22X ngày 03/12/2022 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 24/8/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Công ty.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông **Phạm Ngọc C** về yêu cầu tính phí theo dõi 778.716 và buộc bị đơn giao trả xe mô tô mang biển kiểm soát số 68D1-531.71, Loại xe: HONDA Winner 150cc; Màu: Đen; Số khung: RLHKC2609GY381555; Số máy: KC26E1228440 và số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 010659 do **Công an tỉnh K** cấp ngày 18/4/2022 đứng tên **Phạm Ngọc C**.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Tại đơn khởi kiện **Công Ty Cổ Phần S1** Có Ngay yêu cầu ông **Phạm Ngọc C** phải trả số tiền cầm cố tài sản và phí hao mòn khi mượn xe còn nợ. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về cầm cố tài sản và mượn tài sản. Phía bị đơn ông **Phạm Ngọc C** cư trú tại **thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông **Phạm Ngọc C** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:* Ngày 03/12/2022 ông **Phạm Ngọc C** có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số KGM 221201003NA16X với **Công Ty Cổ Phần S1** nhánh Kiên Giang để lấy số tiền 15.400.000đồng, thời hạn cầm cố là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ theo tháng, ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên là ngày 03/01/2023, ông **Phạm Ngọc C** thanh toán được tháng đầu tiên với số tiền 1.239.000đồng, rồi không thanh toán nữa cho đến nay hợp đồng giữa ông **C** với Công ty đã quá hạn thanh toán, tạm tính đến ngày 23/8/2024 thì ông **C** còn nợ Công ty tổng số tiền là 28.307.919đồng. Vì vậy, Công ty đã khởi kiện yêu cầu ông **Phạm Ngọc C** phải trả toàn bộ số nợ nêu trên.

[3.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố đã ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn, HĐXX thấy rằng chủ thể tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, các bên tham gia ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng cầm cố số KGM 221201003NA16X ngày 03/12/2022 không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng cầm cố ngày 03/12/2022 được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; Tại hợp đồng cầm cố tài sản số KGM 221201003NA16X ngày 03/12/2022; giấy mượn xe ngày 03/12/2022 và văn bản tra cứu giao dịch đảm bảo của chiếc xe cầm cố theo mã số đăng ký 1481789137 mà phía nguyên đơn cung cấp đã thể hiện đầy đủ việc giao kết giữa Công ty Cổ Phần S1 Tiền Có Ngay với ông Phạm Ngọc C cụ thể về số tiền cầm cố, tài sản cầm cố, thời hạn cầm cố, lãi suất, cũng như phương thức thanh toán. Việc cầm cố tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty đã giải ngân đầy đủ tiền số tiền cầm cố cho ông C. Tuy nhiên, ông C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của mình đối với Công ty.

Căn cứ các Điều 116, 309, 310 và 313 Bộ luật dân sự năm 2015; HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Ngọc C có trách nhiệm trả cho Công Ty Cổ Phần S1 Tiền Có Ngay số tiền cầm cố còn nợ tạm tính đến ngày 23/8/2024 là 28.307.919đồng (trong đó gốc 14.898.610đồng, lãi trong hạn 3.107.540đồng, lãi quá hạn 1.553.770 đồng, phí hao mòn và mượn xe 8.778.000đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố số KGM 221201007NA22X ngày 03/12/2022 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 24/8/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Công ty.

[4] Đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô hai bánh, mang biển kiểm soát số 68D1-531.71; Loại xe: HONDA Winner 150cc; Màu: Đen; Số khung: RLHKC2609GY381555; Số máy: KC26E1228440 và số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 010659 do Công an tỉnh K cấp ngày 18/4/2022 đứng tên Phạm Ngọc C. Tài sản cầm cố do phía ông Phạm Ngọc C đang quản lý, sử dụng nên phía Công ty không yêu cầu Tòa án thẩm định và xử lý đối với tài sản cầm cố nêu trên. Do đó, HĐXX không xem xét.

Sau khi ông Phạm Ngọc C trả nợ xong thì Công Ty Cổ Phần S1 Có Ngay phải trả cho ông C bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển kiểm soát số 68D1-531.71 do Công an tỉnh K cấp ngày 18/4/2022 đứng tên Phạm Ngọc C.

[5] Đối với yêu cầu tính phí theo dõi và buộc bị đơn giao trả xe: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đối với khoản phí theo dõi và buộc bị đơn giao trả xe mô tô, xe máy biển kiểm soát số 68D1-531.71. Xét thấy, việc rút yêu cầu tính phí theo dõi và phí thanh lý trước hạn và buộc bị đơn giao trả xe của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận, đình chỉ yêu cầu tính phí theo dõi và buộc bị đơn giao trả xe mô tô, xe máy biển kiểm soát số 68D1-531.71 đối với ông **Phạm Ngọc C**.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông **Phạm Ngọc C** chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho **Công Ty Cổ Phần S1** Có Ngay (28.307.919đồng x 5%) là 1.415.000đồng.

H lại cho **Công Ty Cổ Phần S1** Có Ngay toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, do yêu cầu khởi kiện của **Công Ty Cổ Phần S1** Có Ngay được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 116, 117, 309, 310, 313 và 494 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công Ty Cổ Phần S1** Có Ngay.

Buộc ông **Phạm Ngọc C** phải trả cho **Công Ty Cổ Phần S1** Tiền Có Ngay tổng số tiền là 28.307.919đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng*) và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố số KGM 221201007NA22X ngày 03/12/2022 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 24/8/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Công ty.

Sau khi ông **Phạm Ngọc C** trả nợ xong thì **Công Ty Cổ Phần S1** Có Ngay phải trả cho ông **C** bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số giấy chứng nhận đăng

ký mô tô, xe máy biển kiểm soát số 68D1-531.71 do Công an tỉnh K cấp ngày 18/4/2022 đứng tên Phạm Ngọc C.

2/ Đình chỉ yêu cầu buộc bị đơn phải trả phí theo dõi 778.716 và buộc bị đơn giao trả xe mô tô mang biển kiểm soát số 68D1-531.71, Loại xe: HONDA Winner 150cc; Màu: Đen; Số khung: RLHKC2609GY381555; Số máy: KC26E1228440 và số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 010659 do Công an tỉnh K cấp ngày 18/4/2022 đứng tên Phạm Ngọc C.

3/ Về án phí DSST: Buộc ông Phạm Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.415.000đồng (*Một triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng*).

H lại cho Công Ty Cổ Phần S1 Có Ngay toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 686.000đồng (*Sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001001 ngày 23/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng Điệp